

**I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

Trả lời các câu hỏi sau bằng cách ghi lại chữ cái đứng trước phương án đúng vào giấy kiểm tra.

**Câu 1.** Bản vẽ kỹ thuật được dùng trong quá trình

A. thiết kế, thi công, lắp ráp.

B. thiết kế, vận hành, thi công.

C. sửa chữa, vận hành, lắp ráp.

D. chế tạo, lắp ráp, thi công.

**Câu 2.** Có bao nhiêu loại nét vẽ thường dùng trong bản vẽ kỹ thuật:

A. 3.

B. 4.

C. 5.

D. 6

**Câu 3.** Trên bản vẽ kỹ thuật, nét liền đậm được dùng để:

A. Vẽ đường bao thấy, cạnh thấy.

B. Đường kích thước và đường gióng.

C. Cạnh khuất, đường bao khuất. D. Đường tâm, đường trục đối xứng.

**Câu 4:** Kí hiệu các khổ giấy dùng trong vẽ kỹ thuật theo Tiêu chuẩn Việt Nam là:

A. A0; A1; A2; A3; A4; A5

B. A1; A2; A3; A4; A5

C. A0; A1; A2; A3; A4

D. A1; A2; A3; A4

**Câu 5:** Diện tích khổ giấy A0 gấp mấy lần diện tích khổ giấy A3?

A. 2 lần.

B. 4 lần.

C. 8 lần.

D. 16 lần.

**Câu 6:** Nét vẽ đường kích thước và đường gióng là:

A. Nét gạch dài – chấm – mảnh.

B. Nét liền mảnh

C. Nét đứt mảnh.

D. Nét liền đậm

**Câu 7:** Những khối đa diện và khối tròn xoay có 3 hình chiếu đều giống nhau là:

A. Khối cầu và khối trụ.

B. Khối trụ và khối lập phương.

C. Khối lập phương và khối cầu.

D. Cả ba câu trên.

**Câu 8.** Mặt cắt biểu diễn các bộ phận và kích thước của ngôi nhà theo

A. chiều rộng.

B. chiều cao.

C. chiều ngang.

D. chiều dài.

**Câu 9.** Quy định về chiều rộng lề bên trái trong khung bản vẽ là bao nhiêu?

A. 10 mm

B. 20 mm

C. 30 mm

D. 40 mm

**Câu 10.** Hình chiếu của vật thể là

A. phần thấy của vật đối với người quan sát.

B. phần phía sau vật thể.

C. phần thấy của vật đối với mặt phẳng hình chiếu

D. phần thấy của vật đối với mặt phẳng bản vẽ.

**Câu 11.** Vai trò của bản vẽ kỹ thuật trong đời sống là gì?

A. Góp phần vào nền khoa học công nghệ hiện đại ngày nay.

B. Giúp con người sử dụng có hiệu quả và an toàn các thiết bị máy móc.

C. Không có vai trò gì đặc biệt.

D. Chỉ giúp việc thi công dễ dàng hơn.

**Câu 12.** Khi tia nắng vuông góc với mặt sân thì hình chiếu của quả bóng đá lên mặt sân có dạng hình gì?

A. Hình tròn. B. Hình elip. C. Hình bầu dục. D. Hình đa giác đều.

**Câu 13.** Kích thước trong bản vẽ nhà là:

A. Kích thước chung  
B. Kích thước từng bộ phận  
C. Cả A và B đều đúng  
D. Cả A và B đều sai

**Câu 14.** Vị trí của khung tên trên bản vẽ được nằm ở đâu?

A. Góc bên phải phía trên bản vẽ B. Góc bên phải phía dưới bản vẽ  
C. Góc bên trái phía trên bản vẽ D. Góc bên trái phía dưới bản vẽ

**Câu 15.** Công dụng của bản vẽ chi tiết là

A. chế tạo và lắp ráp. B. chế tạo và kiểm tra.  
C. thiết kế và sửa chữa. D. thiết kế, thi công và sử dụng.

**Câu 16.** Trình tự đọc bản vẽ chi tiết là

A. Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật, tổng hợp.  
B. Khung tên, kích thước, hình biểu diễn, yêu cầu kỹ thuật, tổng hợp.  
C. Hình biểu diễn, khung tên, kích thước, yêu cầu kỹ thuật, tổng hợp.  
D. Hình biểu diễn, kích thước, khung tên, yêu cầu kỹ thuật, tổng hợp.

**Câu 17.** Mặt cắt là hình cắt có mặt phẳng cắt song song với

A. mặt phẳng chiếu đứng hoặc mặt phẳng chiếu cạnh. B. mặt phẳng chiếu cạnh, mặt phẳng chiếu đứng.  
C. mặt phẳng chiếu bằng. D. mặt phẳng cắt A-A.

**Câu 18:** Nội dung của bản vẽ lắp bao gồm:

A. Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, kích thước.  
B. Khung tên, hình biểu diễn, yêu cầu kỹ thuật, bảng kê.  
C. Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, yêu cầu kỹ thuật.  
D. Bảng kê, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật.

**Câu 19.** Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về bản vẽ kỹ thuật?

A. Là các thông tin kỹ thuật trình bày dưới dạng hình vẽ theo quy tắc thống nhất.  
B. Là các thông tin kỹ thuật trình bày dưới dạng các kí hiệu theo quy tắc thống nhất.  
C. Thường vẽ theo tỉ lệ theo hình ảnh.  
D. Là bản vẽ trình bày các thông tin kỹ thuật của sản phẩm dưới dạng các hình vẽ và các kí hiệu theo quy tắc thống nhất và thường vẽ theo tỉ lệ.

**Câu 20.** Trên bản vẽ kỹ thuật thường dùng hình cắt để

A. tăng tính thẩm mỹ. B. biểu diễn hình dạng bên trong của vật thể.  
C. sử dụng thuận tiện bản vẽ. D. biểu diễn hình dạng bên ngoài của vật thể.

**Câu 21.** Với hình chóp đều có đáy là hình vuông thì:

A. Hình chiếu đứng là tam giác cân  
B. Hình chiếu cạnh là tam giác cân  
C. Hình chiếu bằng là hình vuông  
D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 22.** Cho vật thể có kích thước: chiều dài 60 mm, chiều rộng 40 mm và chiều cao 50 mm. Hình biểu diễn vật thể có tỉ lệ là 1:2. Độ dài kích thước chiều cao đo được trên hình biểu diễn của vật thể là bao nhiêu?

- A. 30 mm                      B. 25 mm                      C. 20 mm                      D. 15 mm

**Câu 23.** Trên bản vẽ kỹ thuật, nét liền mảnh được dùng để

- A. Vẽ đường bao thấy, cạnh thấy.  
B. Vẽ đường bao khuất, cạnh khuất.  
C. Đường kích thước, đường gióng,  
D. Vẽ đường tâm, đường trục.

**Câu 24.** Trong phương pháp chiếu góc thứ nhất, có mấy mặt phẳng hình chiếu?

- A. 1                              B. 2                              C. 3                              D. 4

**Câu 25.** Trong phương pháp chiếu góc thứ nhất, vị trí mặt phẳng hình chiếu đứng như thế nào so với vật thể?

- A. Trước vật thể    B. Trên vật thể    C. Sau vật thể    D. Dưới vật thể

**Câu 26.** Hình cầu được tạo thành như thế nào?

- A. Quay một hình tam giác vuông một vòng quanh một cạnh góc vuông.  
B. Quay một hình tam giác đều một vòng quanh một đường cao của tam giác đó.  
C. Quay một hình chữ nhật một vòng quanh một cạnh cố định.  
D. Quay một nửa hình tròn một vòng quanh đường kính của nửa đường tròn đó.

**Câu 27.** Bản vẽ kỹ thuật không trình bày thông tin nào của sản phẩm?

- A. Hình dạng.            B. Kích thước.            C. Yêu cầu kỹ thuật.    D. Công dụng.

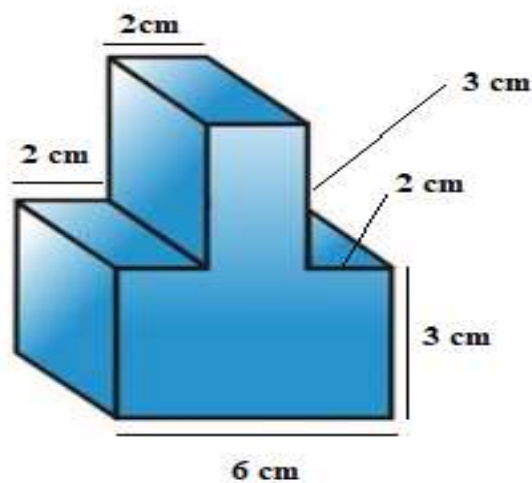
**Câu 28:** Người công nhân căn cứ vào đâu để chế tạo chi tiết máy đúng như yêu cầu của người thiết kế?

- A. Bản vẽ chi tiết                                      B. Bản vẽ lắp  
C. Bản vẽ nhà    D. Cả ba đáp án trên

## II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1. (1 đ) Nêu trình tự đọc của bản vẽ lắp?

Câu 2. (2 đ) Vẽ 3 hình chiếu vuông góc của vật thể sau đây theo đúng tỉ lệ kích thước.



----- HẾT -----